

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/KDTM-ST
Ngày: 19/7/2023
V/v : “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Nguyệt**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Hồng**
2. Ông **Nguyễn Ngọc Tân**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hà Ngân** - Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông **Đào Xuân Đạt** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2023/TLST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐST-KDTM ngày 21/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1)
Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội.
Do ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng Quản trị V1 là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm P1 và cá nhân, V1 hội sở.
(Theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của ông Ngô Chí D).

Người được ông Tuấn A uỷ quyền lại:
Ông Nguyễn Triệu T - Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP V (V1) (Theo Văn bản ủy quyền số 150/2022/UQ-LCC-KHDN MB01 ngày 23/12/2022).

Bị đơn: Công ty cổ phần Đ
Địa chỉ trụ sở: Xóm B, thôn X, xã T, huyện S, Hà Nội.
Do ông Nguyễn Văn C - Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn Xuân Đồng, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
2. Ông Vũ Đình P - sinh năm 1975
Địa chỉ: TDP số C, M, quận N, Hà Nội
Nơi ở hiện nay: Thôn X, xã T, S, Hà Nội
Có mặt : Ông T

Vắng mặt: Ông C, ông P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần Đ đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20042 ngày 07/4/2020. Kèm theo Hợp đồng này, Ngân hàng và ông Nguyễn Văn C ký kết Hợp đồng bảo lãnh cá nhân số BNH/20042/HDBL ngày 07/4/2020. Do đến kỳ hạn trả nợ, Công ty cổ phần Đ gặp khó khăn trong kinh doanh chưa có phương án thanh toán nên Ngân hàng đã hỗ trợ cấu trúc nợ tái cấp hạn mức cho Công ty cổ phần Đ và hai bên đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20136 ngày 24/12/2020, số BNH/22137 ngày 29/7/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 26/11/2019 và các khế ước nhận nợ. Theo đó Ngân hàng TMCP V cho Công ty cổ phần Đ vay với hạn mức tối đa là: 5.600.000.000 đồng (Năm tỷ, sáu trăm triệu đồng).

Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất và cơ chế điều chỉnh lãi suất sẽ được Bên Ngân hàng và Bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký giữa Bên vay và Bên Ngân hàng.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả, Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Cụ thể như sau:

1. Khế ước nhận nợ số: 011221-5942052-ONL-4 ngày 02/12/2021;

- Số tiền nhận nợ: 540.000.000 đồng

- Thời hạn vay: tính từ ngày 02/12/2021 đến ngày 01/9/2022.

Lãi suất cho vay trong hạn 17.3%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được: cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 02/01/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 09 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9,60%/năm.

2. Khế ước nhận nợ số: 031221-5942052-ONL-5 ngày 3/12/2021;

- Số tiền nhận nợ: 400,000,000 đồng

- Thời hạn vay: tính từ ngày 03/12/2021 đến ngày 03/9/2022.

Lãi suất cho vay trong hạn 17.3%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được: cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 03/01/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng

đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 09 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9,60%/năm.

3. *Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-01 ngày 29/7/2022;*

- Số tiền nhận nợ: 400,000,000 đồng

- hạn vay: tính từ ngày 29/7/2022 đến ngày 29/01/2023.

Lãi suất cho vay trong hạn 18,2%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được: cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 29/8/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10,60%/năm.

4. *Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-02 ngày 18/8/2022;*

- Số tiền nhận nợ: 225,000,000 đồng

- Thời hạn vay: tính từ ngày 18/8/2022 đến ngày 18/2/2023.

Lãi suất cho vay trong hạn 18,4%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được: cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 18/9/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 12,4%/năm.

5. *Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-03 ngày 23/9/2022;*

- Số tiền nhận nợ: 160,000,000 đồng

- Thời hạn vay: tính từ ngày 23/9/2022 đến ngày 23/3/2023.

Lãi suất cho vay trong hạn 19,9%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được: cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/10/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 12,4%/năm.

6. *Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-04 ngày 30/9/2022;*

- Số tiền nhận nợ: 160,000,000 đồng

- Thời hạn vay: tính từ ngày 30/9/2022 đến ngày 30/3/2023.

Lãi suất cho vay trong hạn 19,9%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được: cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 30/10/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 12,4%/năm.

7. *Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-05 ngày 14/10/2022;*

- Số tiền nhận nợ: 270,000,000 đồng

- Thời hạn vay: tính từ ngày 14/10/2022 đến ngày 14/4/2023.

Lãi suất cho vay trong hạn 20,1%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được: cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14/11/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 12,40%/năm.

8. Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-06 ngày 20/10/2022;

- Số tiền nhận nợ: 450,000,000 đồng
- Thời hạn vay: tính từ ngày 20/10/2022 đến ngày 20/4/2023.

Lãi suất cho vay trong hạn 21%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được: cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20/11/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 12,50%/năm.

9. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 26/11/2019;

- Hạn mức thẻ tín dụng đề nghị 200,000,000 đồng (tức sử dụng: 169.943.077 đồng).
- Thời hạn Hạn mức tín dụng thẻ: 60 tháng;

Lãi suất áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là 32%/năm. Lãi suất thẻ tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Bản Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế áp dụng cho KHDN.

Như vậy Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Đ vay tổng số tiền theo 8 khế ước nhận nợ là 2.605.000.000 đồng + Thẻ tín dụng: 169.943.077 đồng. Tổng cộng: 2.774.943.077 đồng tiền gốc.

Toàn bộ khoản vay nêu trên được bảo đảm bằng Hợp đồng bảo lãnh số BNH/20042/HDBL mà ông Nguyễn Văn C đã ký kết với Ngân hàng TMCP V ngày 07/4/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số BNH/20136/HDBL mà ông Vũ Đình P đã ký kết với Ngân hàng TMCP V ngày 24/12/2020. Theo 02 Hợp đồng bảo lãnh nêu trên, ông Nguyễn Văn C và ông Vũ Đình P đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty cổ phần Đ trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20136 ngày 24/12/2020, số BNH/20442 ngày 04/7/2020 (được hỗ trợ cấu trúc nợ tái cấp hạn mức tại Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/22137 ngày 29/7/2022) và khế ước nhận nợ kèm theo ký giữa Công ty Đ và V1 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Tính đến nay, Công ty Đ đã trả nợ Ngân hàng TMCP V số tiền như sau:

- Nợ gốc: 430.276.332 đồng;
- Nợ lãi: 105.987.226 đồng;
- Tổng cộng: 536.263.558 đồng

Tạm tính đến ngày 17/7/2023, Công ty Đ còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền 2.957.288.465 đồng (trong đó: nợ gốc là: 2.344.666.745 đồng, nợ lãi trong hạn là 57.922.582 đồng, nợ lãi quá hạn là 531.235.460 đồng, tiền phạt chậm trả 23.463.678 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty cổ phần Đ thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20136 ngày 24/12/2020, số BNH/22137 ngày 29/7/2022; Giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 26/11/2019 và Khế ước nhận nợ số 011221-5942052-ONL-4 ngày 02/12/2021, Khế ước nhận nợ số 031221-5942052-ONL-5 ngày 03/12/2021, Khế ước nhận nợ số BNH/22137-01 ngày 29/7/2022, Khế ước nhận nợ số BNH/22137-02 ngày 18/8/2022, Khế ước nhận nợ số BNH/22137-03 ngày 23/9/2022, Khế ước nhận nợ số BNH/22137-04 ngày 30/9/2022, Khế ước nhận nợ số BNH/22137-05 ngày 14/10/2022, Khế ước nhận nợ số BNH/22137-06 ngày 20/10/2022 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/7/2023 là 2.933.824.787 đồng (trong đó: nợ gốc là: 2.344.666.745 đồng, nợ lãi trong hạn là 57.922.582 đồng, nợ lãi quá hạn là 531.235.460 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi trả hết nợ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu Công ty cổ phần Đ phải trả số tiền phạt chậm trả 23.463.678 đồng.

2. Trường hợp Công ty cổ phần Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho V1, buộc ông Nguyễn Văn C và ông Vũ Đình P có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty cổ phần Đ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Trường hợp Công ty cổ phần Đ, ông Nguyễn Văn C, ông Vũ Đình P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho V1, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Đ, của ông Nguyễn Văn C, ông Vũ Đình P để thu hồi nợ.

Về án phí: Công ty cổ phần Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[2] Người đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông là đại diện theo pháp luật của Công ty Đ, nhất trí với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Ông cũng nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Nay do Công ty làm ăn thua lỗ nên ông đã gửi văn bản lên Sở kế hoạch đầu tư xin dừng hoạt động. Về tài sản cá nhân của ông hiện không còn gì, thậm chí nhà đất của ông cũng đã phải sang tên chuyển nhượng cho ông P. Ông không có ý kiến gì đối với Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký kết vì đó là do các bên hoàn toàn tự nguyện. Công ty cũng không có yêu cầu phản tố, bà thân ông là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Về án phí: Nhất trí là Công ty cổ phần Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Đình P quá trình giải quyết vụ án có ý kiến quan điểm:

Ông là một trong 04 thành viên của Công ty cổ phần Đ. Ông có ký hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng 01 lần để bảo lãnh cho khoản vay 3.000.000.000 đồng của Công ty từ trước đó và Công ty đã tắt toán khoản vay đó rồi. Sau này ông C có vay khoản vay 2.000.000.000 đồng này thì ông không biết và không liên quan nên ông không nhất trí yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Ông không có tài liệu về việc Công ty đã tắt toán khoản vay của Công ty cho Ngân hàng vì ông không nghĩ có ngày hôm nay. Ông xác định không liên quan đến khoản vay này, không phải có trách nhiệm gì, không phải là người liên quan trong vụ án, ông có nộp “Đơn xin không tham dự phiên tòa” và không ký tá văn bản gì của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, ngoại trừ thời hạn đưa vụ án ra xét xử còn chậm. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành tương đối đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty cổ phần Đ. Buộc Công ty cổ phần Đ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức, các Khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo mà hai bên đã ký kết và theo quy định của pháp luật tạm tính đến ngày 17/7/2023 là 2.933.824.787 đồng (trong đó: nợ gốc là: 2.344.666.745 đồng, nợ lãi trong hạn là 57.922.582 đồng, nợ lãi quá hạn là 531.235.460 đồng). Đồng thời buộc Công ty cổ phần Đ phải chịu các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức, các Khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo và theo quy định của pháp luật kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Nếu Công ty cổ phần Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho V1, ông Nguyễn Văn C và ông Vũ Đình P có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty cổ phần Đ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng đã ký và theo quy định của pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: Công ty cổ phần Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Việc ông Nguyễn Văn C và ông Vũ Đình P vắng mặt tại phiên tòa:

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ông P có đến Tòa án làm việc, có trình bày ý kiến quan điểm của mình nhưng từ chối không ký biên bản

đồng thời có đơn xin không tham dự phiên tòa. Ông Nguyễn Văn C cũng đã có đơn xin vắng mặt gửi cho Tòa án trước ngày mở phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C và ông P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về điều kiện khởi kiện: Bên vay là Công ty cổ phần Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20136 ngày 24/12/2020, số BNH/22137 ngày 29/7/2022; Khế ước nhận nợ số: 011221-5942052-ONL-4 ngày 02/12/2021; Khế ước nhận nợ số: 031221-5942052-ONL-5 ngày 3/12/2021; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-01 ngày 29/7/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-02 ngày 18/8/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-03 ngày 23/9/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-04 ngày 30/9/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-05 ngày 14/10/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-06 ngày 20/10/2022; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 26/11/2019 đã ký kết với Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng có quyền khởi kiện để thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã được các bên ký kết.

[1.3]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng TMCP V có đăng ký doanh nghiệp số 0100233583 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố H cấp lần đầu ngày 08/9/1993, thay đổi lần thứ 41 ngày 27/11/2018, địa chỉ trụ sở chính tại: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội do ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật.

Công ty cổ phần Đ có đăng ký kinh doanh số 0108412908 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp lần đầu ngày 24/8/2018, có trụ sở chính tại: Xóm B thôn X, xã T, huyện S, Hà Nội, do ông Nguyễn Văn C - Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Như vậy, cả hai bên đều đủ tư cách và có quyền ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh doanh thương mại và tham gia tố tụng để giải quyết tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý vụ án kinh doanh thương mại với quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” để giải quyết là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng tín dụng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng TMCP V đã xuất trình Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20042 ngày 07/4/2020, Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20136 ngày 24/12/2020, số BNH/22137 ngày 29/7/2022; Khế ước nhận nợ số: 011221-5942052-ONL-4 ngày 02/12/2021; Khế ước nhận nợ số: 031221-5942052-ONL-5 ngày 3/12/2021; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-01 ngày 29/7/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-02 ngày 18/8/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-03 ngày 23/9/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-04 ngày 30/9/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-05 ngày 14/10/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-06 ngày 20/10/2022; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 26/11/2019 mà nguyên đơn và bị đơn đã ký kết.

Đồng thời cũng xuất trình Hợp đồng bảo lãnh số BNH/20042/HDBL ngày 07/4/2020 mà ông Nguyễn Văn C đã ký kết với Ngân hàng TMCP V; Hợp đồng bảo lãnh số BNH/20136/HDBL ngày 24/12/2020 mà ông Vũ Đình P đã ký kết với Ngân hàng TMCP V. Theo 02 Hợp đồng bảo lãnh nêu trên, ông Nguyễn Văn C và ông Vũ Đình P đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty cổ phần Đ trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20136 ngày 24/12/2020 và Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20042 ngày 07/4/2020 (được hỗ trợ cấu trúc nợ tái cấp hạn mức tại Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/22137 ngày 29/7/2022) và khế ước nhận nợ kèm theo ký giữa Công ty Đ và V1 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần Đ ký kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các bên không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; thỏa thuận về lãi suất (lãi trong hạn và lãi quá hạn); Lãi suất nợ lãi chậm trả và cách tính tiền lãi vay được ghi nhận trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể: Khoản 2, khoản 3 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, quy định về lãi suất cho vay và cách tính tiền lãi vay; khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, quy định về lãi suất nợ lãi chậm trả.

Như vậy, Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20042 ngày 07/4/2020, số BNH/20136 ngày 24/12/2020, số BNH/22137 ngày 29/7/2022; Khế ước nhận nợ số: 011221-5942052-ONL-4 ngày 02/12/2021; Khế ước nhận nợ số: 031221-5942052-ONL-5 ngày 3/12/2021; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-01 ngày 29/7/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-02 ngày 18/8/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-03 ngày 23/9/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-04 ngày 30/9/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-05 ngày 14/10/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-06 ngày 20/10/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 26/11/2019 đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên ngay sau khi ký kết hợp đồng. Công ty cổ phần Đ đã được Ngân hàng TMCP V giải ngân toàn bộ số tiền vay.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn C với tư cách là người đại diện theo pháp luật của bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hoàn toàn nhất trí với ý kiến, quan điểm và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vương thời gian dịch bệnh covid nên Công ty gặp nhiều khó khăn không thể trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận, đến nay Công ty không còn tài sản gì, đã ngừng hoạt động nhưng chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản. Ông C nhất trí xử lý tài sản thuộc sở hữu của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, không có yêu cầu phản tố và cũng không có yêu cầu độc lập.

Ông Vũ Đình P mặc dù có ý kiến cho rằng ông có ký bảo lãnh cho Công ty Đ vay tiền nhưng khoản vay mà ông bảo lãnh đã được Công ty Đ tất toán cho Ngân hàng nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ về việc chấm dứt Hợp

đồng bảo lãnh ông đã ký với Ngân hàng để chứng minh cho quan điểm của mình.

Tại Hợp đồng bảo lãnh số BNH/20136/HDBL ngày 24/12/2020 mà ông P đã ký kết với Ngân hàng có nội dung:

“Điều 1. Phạm vi bảo lãnh

1. Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng (“Văn kiện tín dụng”) sau đây được ký kết giữa Bên được bảo lãnh với Bên Ngân hàng:

a. Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20136/HDBL ngày 24/12/2020, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các văn kiện tín dụng này; và

b. Các văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này bao gồm tất cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các văn kiện tín dụng này. Văn kiện tín dụng theo quy định tại điểm này được hiểu bao gồm nhưng không giới hạn các Thỏa thuận về cung cấp và sử dụng tín dụng, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh, Hợp đồng chiết khấu, Hợp đồng phát hành L/C hay bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận nào ghi nhận các giao dịch cấp tín dụng giữa bên Ngân hàng và Bên được bảo lãnh hoặc bất kỳ giao dịch nào khác xác nhận nghĩa vụ nợ của Bên được bảo lãnh với Bên Ngân hàng.

“Điều 5. Điều khoản thi hành

...

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên được bảo lãnh thực tế thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ và hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ với Bên Ngân hàng theo các văn kiện tín dụng hoặc Bên bảo lãnh đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo Hợp đồng này đối với Bên Ngân hàng. Mọi thay đổi đối với các nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được các Bên thỏa thuận bằng văn bản. Các văn bản này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng...”

Như vậy, bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng.

Ngoài ra Tại Điều 2 Hợp đồng bảo lãnh số BNH/20136/HDBL ngày 24/12/2020 mà ông P đã ký kết với Ngân hàng có thỏa thuận nội dung:

“Điều 2. Nghĩa vụ của bên bảo lãnh

1. Các bên thống nhất thỏa thuận rằng Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh đối với Bên

Ngân hàng như quy định tại khoản 1 Điều 1 Hợp đồng này một cách vô điều kiện và không hủy ngang ngay khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

...

4. Bên bảo lãnh cam kết dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của Bên bảo lãnh hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Bên được bảo lãnh và ủy quyền cho Bên Ngân hàng được tự mình hoặc yêu cầu cơ quan chức năng xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của Bên bảo lãnh và theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ”.

Như vậy ngoài việc bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh thì còn có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng.

Bên được bảo lãnh là Công ty cổ phần Đ và bên bảo lãnh là ông Nguyễn Văn C, ông Vũ Đình P chưa hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng.

Như vậy việc ông Vũ Đình P cho rằng khoản vay mà ông bảo lãnh đã được tất toán nên ông không liên quan đến khoản nợ hiện tại của Công ty cổ phần Đ đối với Ngân hàng là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty cổ phần Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển các khoản nợ của Công ty cổ phần Đ sang nợ quá hạn từ ngày 05/9/2022.

Vì vậy, căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự để buộc Công ty cổ phần Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20136 ngày 24/12/2020, số BNH/22137 ngày 29/7/2022; Khế ước nhận nợ số: 011221-5942052-ONL-4 ngày 02/12/2021; Khế ước nhận nợ số: 031221-5942052-ONL-5 ngày 3/12/2021; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-01 ngày 29/7/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-02 ngày 18/8/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-03 ngày 23/9/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-04 ngày 30/9/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-05 ngày 14/10/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-06 ngày 20/10/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 26/11/2019 đã ký tạm tính đến ngày 17/7/2023 và các khoản lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng và văn kiện tín dụng trên kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp. Việc Ngân hàng không yêu cầu khoản tiền phạt chậm trả 23.463.678 đồng tính đến ngày 17/7/2023 là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

- Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty cổ phần Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho V1, ông Nguyễn Văn C và ông Vũ Đình P có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty cổ phần Đ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Trường hợp Công ty cổ phần Đ, ông Nguyễn Văn C, ông Vũ Đình P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho V1, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc

quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Đ, của ông Nguyễn Văn C, ông Vũ Đình P theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

[3]. Về án phí dân sự:

Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí trên yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tại phiên tòa: Phù hợp với quy định của pháp luật và kết quả nghị án của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điểm c Khoản 2 Điều 217, Điều 161; Điều 162; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 khoản 3 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 317, khoản 6 Điều 320, 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2029/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với Công ty cổ phần Đ .

- Buộc Công ty cổ phần Đ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20136 ngày 24/12/2020, số BNH/22137 ngày 29/7/2022; Khế ước nhận nợ số: 011221-5942052-ONL-4 ngày 02/12/2021; Khế ước nhận nợ số: 031221-5942052-ONL-5 ngày 3/12/2021; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-01 ngày 29/7/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-02 ngày 18/8/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-03 ngày 23/9/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-04 ngày 30/9/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-05 ngày 14/10/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-06 ngày 20/10/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 26/11/2019 hai bên đã ký tạm tính đến ngày 17/7/2023 là 2.933.824.787 đồng (trong đó: nợ gốc là: 2.344.666.745 đồng, nợ lãi trong hạn là 57.922.582 đồng, nợ lãi quá hạn là 531.235.460 đồng) và các khoản lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/20136 ngày 24/12/2020, số BNH/22137

ngày 29/7/2022; Khế ước nhận nợ số: 011221-5942052-ONL-4 ngày 02/12/2021; Khế ước nhận nợ số: 031221-5942052-ONL-5 ngày 3/12/2021; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-01 ngày 29/7/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-02 ngày 18/8/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-03 ngày 23/9/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-04 ngày 30/9/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-05 ngày 14/10/2022; Khế ước nhận nợ số: BNH/22137-06 ngày 20/10/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 26/11/2019 kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty cổ phần Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V thì ông Nguyễn Văn C và ông Vũ Đình P có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty cổ phần Đ toàn bộ số tiền còn nợ.

3. Trường hợp Công ty cổ phần Đ, ông Nguyễn Văn C, ông Vũ Đình P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty cổ phần Đ, của ông Nguyễn Văn C, ông Vũ Đình P theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Trường hợp, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty cổ phần Đ phải chịu 44.933.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

- Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 40.849.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0005773 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần Đ, ông Nguyễn Văn C, ông Vũ Đình P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Bích Nguyệt